TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HSST
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LAC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ý Tưởng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị G - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2021/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2022/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn P, sinh ngày 16/12/1994; sinh trú quán: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị G và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến ngày 24/11/2021 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Bảo lĩnh, hiện nay đang tại ngoại, (có mặt);

2/ Dương Văn X, sinh ngày 31/3/1997; sinh trú quán: Thôn V, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị S; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2021 đến ngày 24/11/2021 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Bảo lãnh, hiện nay đang tại ngoại, (có mặt);

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tô Trọng Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn B 2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Chị Đường Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Ông Tạ Văn P, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Đào Văn K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội, (vắng mặt);

+ Những người làm chứng;

- Anh Nguyễn Xuân R, sinh năm 2005; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Phạm Xuân Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Anh Tạ Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 27/8/2021, tổ công tác Công an huyện Yên Lạc tiến hành kiểm tra, phát hiện tại quán cầm đồ T ở thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do Trần Văn P làm chủ quán đang thực hiện hành vi thu tiền lãi cho vay của anh Tô Trọng Đ với mức lãi suất vượt quá nhiều so với quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định: Ngày 20/8/2021, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Tô Trọng Đ đã mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave Anpha biển kiểm sát 88B1 - 220.97 của anh Nguyễn Văn H đang cư trú tại phường K, thành phố V, đi đến quán cầm đồ T gặp Trần Văn P và Nguyễn Xuân R (R là người làm thuê tại quán D ở thị trấn Y, huyện Y do anh Phạm Xuân Q làm chủ). Đ nói với P muốn cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm sát 88B1 - 220.97 với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi xem xe và kiểm tra giấy tờ của xe, hai bên thống nhất, P chỉ nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên của Đ với số tiền 8.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/01ngày, đóng lãi 10 ngày một lần (tương ứng số tiền là 400.000đ). Trong trường hợp chưa đủ 10 ngày mà

Đ có đủ tiền để chuộc xe thì Đ vẫn phải đóng đủ cho P số tiền lãi của 10 ngày là 400.000đ. Đ đồng ý nên P yêu cầu Đ phải viết, ký tên và điểm chỉ vào giấy nhận nợ và giấy mua bán xe xong để lại cho P giữ các giấy tờ trên cùng với 01 đăng ký xe mô tô, 01 bản phô tô Căn cước công dân của Tô Trọng Đ. Sau đó P đưa tiền cho Đ đủ 8.000.000đ, do quán cầm đồ T chật hẹp nên P bảo R mang xe mô tô của Đ đi cất nhờ ở nơi khác. Vì R là người làm thuê ở quán D nên R đã mang xe mô tô này về quán D cất nhờ.

Khoảng hơn 11 giờ 00 phút ngày 27/8/2021, Đ đến quán cầm đồ để trả tiền gốc, lãi và chuộc xe mô tô. Tại quán cầm đồ, Đ gặp P và Dương Văn X là nhân viên làm thuê của quán cầm đồ. P tính tổng số tiền Đ phải trả cho P là 8.400.000đ, trong đó tiền gốc là 8.000.000đ và tiền lãi là 400.000đ đồng thời P bảo X và R đi lấy xe mô tô của Đ về quán để trả cho Đ, một lúc sau thì X và R mang xe của Đ về. Lúc này, Đ đưa cho P 8.500.000đ, P trả lại cho Đ xe và đầy đủ giấy tờ của xe, trong khi P chuẩn bị trả lại tiền thừa cho Đ 100.000đ thì bị tổ công tác của Công an huyện Yên Lạc phát hiện, lập biên bản và thu giữ các vật chứng liên quan. Bao gồm 8.500.000đ tiền P vừa thu của Đ; 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/8/2021 có điểm chỉ và chữ ký của Tô Trọng Đ ở mục người vay; 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày 20/8/2021 có chữ ký và điểm chỉ của Tô Trọng Đ ở mục bên bán; 01 bản phô tô Căn cước công dân của Tô Trọng Đ; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88L1 - 055.52; 01 phong bì thư một mặt có ghi "*20/8/2021 Tô Trọng Đ (xe Wave) (8 triệu) (ko cắt) 0877782666 xe Wave*"; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88B1 - 220.97 và 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 88B1 - 220.97 đã cũ.

Cùng ngày Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại cửa hàng cầm đồ T, kết quả thu giữ được các tài liệu, đồ vật như sau: 01 chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 25/4/2018 mang tên Tạ Văn S; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 168 ngày 14/8/2018; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ có 02 trang đã viết; 01 tập hợp đồng cầm đồ có 03 trang đã viết; 05 tờ giấy nhận nợ, 05 hợp đồng thuê xe, 05 hợp đồng mua bán xe đã in mẫu trên khổ giấy A4 có chữ ký xác nhận của P và X; 01 máy tính Casino; 01 hộp mực dấu, 01 lọ mực dấu, 01 bút bi mực màu xanh đã qua sử dụng; 4.250.000đ tiền mặt; 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong có 04 trang viết chữ và số; 01 giấy nhận nợ đề ngày 14/10/2019 tên người vay Đường Thị T; 04 giấy nhận nợ tên người vay Tạ Văn P; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu hồng đã cũ.

Tiếp tục mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra đã truy xét được. Ngoài lần cho Tô Trọng Đ vay tiền với lãi suất cao bị bắt quả tang, Trần Văn P và Dương

Văn X còn 04 lần thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao đối với 04 người khác. Cụ thể như sau:

- Ngày 14/10/2019, chị Đường Thị T là người ở thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đến quán cầm đồ của P để hỏi vay tiền. Tại đây, Chị T gặp P và X, Chị T trao đổi với P và X ý định muốn vay 15.000.000đ, P và X đồng ý. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày. Sau đó P và X cắt luôn tiền lãi của tháng đầu và buộc Chị T phải trả cho P và X tiền lãi là 2.250.000đ, P và X chỉ đưa cho Chị T vay thực tế số tiền 12.750.000đ. Chị Y viết giấy vay tiền để lại cho P và X cùng chứng minh nhân dân của Chị T và chồng Chị T kèm theo sổ hộ khẩu gia đình. Sau khi vay tiền của P và X, Chị T đã đóng tiền lãi cho P và X đến hết tháng 3/2021 (18 tháng) mỗi tháng là 2.250.000đ. Tổng số tiền lãi Chị T đã trả cho P và X là 40.500.000đ. Hàng tháng, Chị T đóng tiền lãi cho P và X bằng hình thức đưa tiền mặt. Các lần Chị T đến nộp tiền lãi cho P và X thì gặp ai ở quán, Chị T đưa tiền cho người đó thu, do vậy tiền lãi của Chị T có lần P thu và có lần X thu. Tháng nào Chị T chậm trả lãi thì P hoặc X đến nhà Chị T thu tiền lãi. Chị Y đã trả cho Trần Văn P toàn bộ số tiền gốc đã vay.

- Vẫn hành vi trên, P và X cho ông Tạ Văn P là người ở thôn C, xã B, huyện Y vay 04 lần như sau:

Lần 1: Ngày 30/10/2019, ông Tạ Văn P đến quán cầm đồ của P để hỏi vay số tiền 10.000.000đ, P đồng ý. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/1ngày. P cắt lãi tháng đầu tiên là 1.200.000đ và chỉ đưa cho ông P vay số tiền thực tế là 8.800.000đ, ông P viết giấy nhận nợ và để lại Chứng minh nhân dân mang tên ông P cho P cất giữ. Khoản vay này, ông P đã trả cho P và X tiền lãi đến hết tháng 5/2021 (19 tháng) với số tiền lãi hàng tháng là 1.200.000đ/tháng. Tổng số tiền lãi mà ông P đã trả cho P và X là 22.800.000đ.

Lần 2: Ngày 14/11/2019, ông Tạ Văn P đến quán cầm đồ của P hỏi vay số tiền 15.000.000đ, P đồng ý. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/1ngày. P cắt lãi tháng đầu tiên là 1.800.000đ và chỉ đưa cho ông P vay thực tế số tiền 13.200.000đ, ông P viết giấy nhận nợ và không để lại tài sản hay giấy tờ gì. Khoản tiền này, hàng tháng ông P phải đóng lãi cho P và X là 1.800.000đ/tháng. Ông P đã đóng tiền lãi cho P và X đến hết tháng 5/2021 (18 tháng) với tổng số tiền lãi đã trả là 32.400.000đ.

Lần 3: Ngày 22/11/2019, ông Tạ Văn P đến quán cầm đồ gặp P và X để hỏi vay số tiền 20.000.000đ, P đồng ý. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất

4.000đ/1.000.000đ/1ngày. P cắt lãi tháng đầu tiên là 2.400.000đ và chỉ đưa cho ông P vay số tiền thực tế là 17.600.000đ, ông P viết giấy nhận nợ và không để lại tài sản hay giấy tờ gì. Ông Tạ Văn P đã đóng tiền lãi cho P và X đến hết tháng 5/2021 (18 tháng) với mức lãi suất 2.400.00đ/tháng. Tổng số tiền lãi mà ông P đã trả cho P và X là 43.200.000đ.

Lần 4: Ngày 30/12/2019, ông Tạ Văn P đến quán cầm đồ gặp P và X để vay số tiền 10.000.000đ, P đồng ý. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/1ngày. P cắt lãi tháng đầu tiên là 1.200.000đ và chỉ đưa cho ông P vay số tiền 8.800.000đ, ông P viết giấy nhận nợ và không để lại tài sản hay giấy tờ gì. Ông Tạ Văn P đóng tiền lãi cho P và X đến hết tháng 5/2021 (17 tháng) với mức lãi suất 1.200.00đ/tháng. Tổng số tiền lãi mà ông P đã trả cho P và X là 20.400.000đ.

Tổng số 04 lần vay trên, ông Tạ Văn P đã vay của P và X là 55.000.000đ, ông P đã trả lãi cho P và X là 118.800.000đ. Mỗi khi đến thời kỳ trả tiền lãi, ông P trực tiếp đem tiền đến quán cầm đồ đóng cho P hoặc X, nếu tháng nào ông P bận thì P và X đến nhà ông P thu tiền lãi. Đến nay ông P vẫn chưa trả cho Trần Văn P số tiền gốc nêu trên.

- Ngày 23/9/2020, anh Đào Văn K là người trú tại thôn Y, xã B đến quán cầm đồ T gặp P và X hỏi vay 30.000.000đ. P đồng ý và thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày. Anh K viết giấy nhận nợ và để lại 01 giấy phép lái xe mang tên anh K. P cắt lãi tháng đầu tiên là 4.500.000đ và chỉ đưa cho anh K 25.500.000đ. Anh K đã đóng lãi cho P và X đến hết tháng 8/2021 (11 tháng) với mức lãi 4.500.000đ/tháng, tổng số tiền lãi anh K đã trả cho P và X là 49.500.000đ. Anh K trực tiếp đem tiền đến quán cầm đồ đóng lãi cho P hoặc X, có lần thì P và X đến nhà anh K thu tiền lãi. Đến nay anh K vẫn chưa trả số tiền gốc nêu trên cho Trần Văn P.

- Ngày 01/01/2019, anh Nguyễn Duy C trú tại xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội đến quán cầm đồ T gặp P hỏi vay số tiền 1.200.000đ, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1.000.000đ/1ngày. Vay sau 01 tháng thì anh C đến trả đủ cho P và X tiền gốc là 1.200.000đ và tiền lãi là 180.000đ.

Tổng số tiền lãi, P và X thu của 05 trường hợp cho vay trên là 209.380.000đ (Hai trăm linh chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Các lần cho vay giữa P, X và khách vay tiền đều không thỏa thuận về thời hạn vay.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng

như các lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra.

Bản cáo trạng số: 03/CT – VKS ngày 23/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X về tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc thực hành quyền công tố. Tại phiên tòa đã phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ được. Từ đó có đủ cở sở để xác định các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X về tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Căn cứ khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 35; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn P từ 250.000.000đ đến 270.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 35; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Dương Văn X từ 220.000.000đ đến 230.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X không có ý kiến bổ sung gì khác và các bị cáo không ai có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Trần Văn P và Dương Văn X không ai có ý kiến đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc và Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra và truy tố đối với vụ án đã thực hiện đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp đúng với quy định của pháp luật nên không có kiến nghị khắc phục gì.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị G là vợ của P đã bồi thường thay cho P 36.000.000đ là tiền P thu lời bất chính của chị Đường Thị T. Tại phiên tòa, bị cáo P và chị Giang đều xác định, số tiền chị Giang đã bồi thường cho Chị T là tiền của P, chị Giang chỉ là người đại diện gia đình đứng ra bồi thường thay cho P do lúc đó P đang bị tạm giam. Do vậy, Hội đồng xét xử không đưa chị Giang tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Trần Văn P hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ từ năm 2018, năm 2019 P thuê Dương Văn X làm nhân viên giúp việc cho P làm việc tại quán cầm đồ T. Trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, P và X đã cho khách vay lãi với nhiều mức lãi suất khác nhau. Cụ thể: Cho anh Tô Trọng Đ, chị Đường Thị T, anh Đào Văn K và anh Nguyễn Duy C vay tiền với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày và cho ông Tạ Văn P vay tiền với mức lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/1ngày.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự thì: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…"*

Với quy định trên, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Việc P và X cho Tô Trọng Đ, Đường Thị T, Đào Văn K và Nguyễn Duy C vay tiền với mức lãi suất

5.000đ/1.000.000đ/1ngày tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cho ông Tạ Văn P vay tiền với mức lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20% x 5 = 100%)/năm.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự và theo tinh thần hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc định số tiền thu lời bất chính của P và X được xác định như sau:

- Đối với khoản vay của Tô Trọng Đ: Số tiền cho vay là 8.000.000đ x 20% : 365 ngày = 4.383đ x 7 ngày = 30.684đ. Như vậy, tiền thu lời bất chính của Đ là 400.000đ – 30.684đ = 369.319đ. (Ba trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm mười chín nghìn).

- Đối với khoản vay của Đường Thị T, Tạ Văn P, Đào Văn K và Nguyễn Duy C thì số tiền thu lời bất chính được tính theo công thức chung là: Số tiền lãi đã trả - (số tiền gốc vay x 20% : 12 tháng x số tháng trả lãi) = tiền thu lời bất chính. Do đó, P và X đã thu lời bất chính của Chị T số tiền là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng), của anh K là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng), của anh C 160.000đ (Một trăm sáu mươi nghìn đồng) và của ông Tạ Văn P tổng số 04 lần cho vay là 102.301.000đ (Một trăm linh hai triệu, ba trăm linh một nghìn); trong đó, lần 1 là 19.634.000đ, lần 2 là 27.900.000đ, lần 3 là 37.200.000đ và lần 4 là 17.567.000đ.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà P và X bỏ ra cho Tô Trọng Đ, Đường Thị T, Tạ Văn P, Đào Văn K và Nguyễn Duy C vay là 109.200.000đ (Một trăm linh chín triệu, hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi P và X đã thu được của những người vay ở trên là 209.380.000đ. Trong đó, tiền lãi P và X được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 26.550.000đ, số tiền P và X thu lời bất chính của những người vay là 182.830.000đ (đã được làm tròn số).

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X đã phạm vào tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự....

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.".

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật như vậy mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét vai trò và hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này, do Trần Văn P là chủ quán cầm đồ T nên nguồn tiền để cho vay toàn bộ là của P; quá trình cho vay, P là người trực tiếp cho vay và chỉ đạo hoạt động cho vay của quán; tiền lãi thu về P dùng để xoay vòng vốn cho khách vay tiền và trả lương cho X, còn lại thì tiêu xài cá nhân nên P là người giữ vai trò chính. Dương Văn X là người làm thuê cho P, thực hiện theo sự chỉ đạo của P và được P trả lương bằng tiền thu lời từ hoạt động cho vay để giúp việc cho P nên X là người giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng: Ở vụ án này, các bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội nhiều lần. Trước khi phạm tội, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo và biết tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, P đã tích cực bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả đồng thời tự nguyện nộp một phần tiền vào Ngân sách Nhà nước nên P được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Chị Y và anh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho P nên bị cáo P được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Quá trình đấu tranh truy xét, Cơ quan điều tra đã làm rõ. Ngoài các lần cho vay ở trên, P và X còn cho một số người khác vay tiền với mức lãi suất thỏa thuận cụ thể như sau:

- Khoảng đầu tháng 12/2020 cho Phạm Văn T là người ở thị trấn Y vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1.000.000đ/1ngày tương đương 73%/năm.

- Khoảng tháng 7/2020, cho Nguyễn Văn E trú tại thị trấn Y vay 20.000.000đ, lãi suất thoả thuận 2.500đ/1.000.000đ/1ngày tương đương 91,25%/năm.

- Khoảng tháng 4/2020 cho Dương Văn D ở thị trấn Y vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất thoả thuận 2.000đ/1.000.000đ/1ngày tương đương 73%/năm.

- Khoảng tháng 8/2019 cho Dương Văn B ở thị trấn Y vay 20.000.000đ, lãi suất thoả thuận 1.500đ/1.000.000đ/1ngày tương đương 54,75%/năm.

Những khoản vay này chưa vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với P và X.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định. Trước khi bị bắt, P và X còn cho một số người khác vay tiền nhưng những người này đã trả đủ gốc và lãi nên P và X đã hủy bỏ giấy nhận nợ cũng như trả lại người vay giấy tờ, tài sản cầm cố, do các bị cáo không nhớ tên tuổi, địa chỉ của những người vay tiền trước thời điểm bị bắt nên Cơ quan điều tra không cơ sở để tiếp tục xác minh, làm rõ.

Như đã phân tích ở phần trên, Trần Văn P là chủ quán cầm đồ T, trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động cho vay lãi nặng, nguồn tiền cung cấp cho hoạt động cho vay là của riêng P, tiền lãi thu được do P quản lý, chi tiêu cá nhân và trả lương cho X. Dương Văn X là nhân viên làm thuê cho P tại quán cầm đồ T từ năm 2019, X có nhiệm vụ giúp P trong hoạt động của quán cầm đồ và hoạt động cho vay lãi những khi P đi vắng, những lần X tự cho khách vay tiền đều được sự đồng ý của P. Cách thức hoạt động của quán cầm đồ T là khi có khách đến vay tiền, P có mặt ở quán thì P sẽ chủ động mọi việc, nếu P không có mặt ở quán thì X báo cáo P nếu P đồng ý có khách vay thì X hướng dẫn khách viết giấy vay tiền, hợp đồng mua bán tài sản cầm cố. Khi có khách đến trả lãi mà không gặp P thì trả cho X, tiền lãi thu được X phải chuyển cho P và giúp P trong việc đi thu lãi của khách, X được P trả lương từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ trên một tháng tùy vào lượng khách vay tiền và tiền lãi thu được trong tháng. Căn cứ kết quả điều tra xác minh thu thập chứng cứ, Cơ quan điều tra đã làm rõ, P có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ từ năm 2018 nên P hoạt động việc kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho vay tiền lấy lãi từ năm 2018. Quá trình kinh doanh, về cơ bản, P kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, lãi suất cho vay theo đúng quy định.

Xen lẫn việc cho vay tiền đúng quy định thì thỉnh thoảng khi có khách hỏi vay tiền lãi nặng, P cũng đồng ý. P và X thực hiện hành vi cho vay tiền lãi nặng từ năm 2018 nhưng mỗi lần cho vay, P và X chỉ cho vay với quy mô nhỏ lẻ, không liên tục. Nguồn tiền dùng để cho vay là của P, không có việc huy động tiền vốn từ người khác, nguồn sống chính của các bị cáo không phụ thuộc vào việc cho vay lãi nặng, do vậy các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới mức hình thức băng ổ, nhóm. Theo tinh thần hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số: 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021, về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính mà cần xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước cũng đủ điều kiện để cải tạo và răn đe đối với các bị cáo. Do vậy cần xử phạt bị cáo P số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo X 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Quan điểm đường lối giải quyết đối với vụ án này của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đề nghị là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

Đối với Nguyễn Xuân R là nhân viên quán D, do dịch bệnh quán ít việc nên R lên quán cầm đồ T dọn dẹp trông nom quán giúp P (do R và P là anh em xã hội với nhau), R có cùng X và P đi thu lãi một số người nhưng R không biết gì về hoạt động cho vay lãi nặng của P cũng như không được hưởng lợi gì trong việc này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với R.

Đối với anh Tạ Văn S là người đứng tên trong đăng ký kinh doanh của quán cầm đồ nhưng anh S chỉ là người cho quán cầm đồ mượn đăng ký kinh doanh để hoạt động, anh S không biết và không được hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay lãi nặng. Anh Phạm Xuân Q là chủ quán D là anh em xã hội với Trần Văn P, do P có nhu cầu mở quán cầm đồ nhưng không phải người địa phương nên P nhờ Quang mượn đăng ký kinh doanh của anh S để cho P hoạt động, anh Q không biết và không được hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay lãi của P do đó cơ quan điều tra không để cập xử lý đối với anh S và anh Q.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra đã xác định, chị Đường Thị T đã nhận đủ của P 36.000.000đ là tiền P thu lời bất chính đối với Chị T. Anh Đào Văn K đã nhận đủ của P 44.000.000đ là tiền P thu lời bất chính đối với anh K. Sau khi nhận

tiền, Chị T và anh K không ai có yêu cầu gì về mặt dân sự đối với các bị cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Tạ Văn P yêu cầu bị cáo P phải trả lại cho ông P 102.301.000đ. Bị cáo P đồng ý nhưng do điều kiện kinh tế của bị cáo P hiện nay khó khăn nên bị cáo P xin khất được trả nợ dần. Xét thấy đây là số tiền P đã thu lời bất chính của ông P nên cần buộc P phải có nghĩa vụ trả lại cho ông P toàn bộ số tiền trên.

Anh Nguyễn Duy C đã trả hết nợ gốc, lãi cho P nhưng do anh C không yêu cầu P phải trả lại cho anh C số tiền mà P đã thu lời bất chính của anh C nên cần tịch thu, để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 12.750.000đ thu tại quán cầm đồ T, quá trình điều tra đã xác định 8.500.000đ là tiền Đ trả cho P và 4.250.000đ là tiền thu của P khi khám xét. Trong đó 8.000.000đ là tiền gốc P cho Đ vay và 30.681đ là tiền lãi thu của Đ theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản vay 8.000.000đ, còn 4.250.000đ được xác định là công cụ sử dụng vào việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 369.319đ là tiền P thu lời bất chính của anh Tô Trọng Đ, do anh Đ không yêu cầu nhận lại.

- Trả lại cho anh Tô Trọng Đ 100.000đ tiền thừa.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn H là chủ sở hữu hợp pháp 01 xe mô tô biển kiểm soát 88B1 - 220.97 và 01 đăng ký xe.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/8/2021 có điểm chỉ và chữ ký của Tô Trọng Đ ở mục người vay; 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày 20/8/2021 có chữ ký và điểm chỉ của Tô Trọng Đ ở mục bên bán; 01 bản phô tô căn cước công dân của Tô Trọng Đ và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88L1 - 055.52; 01 phong bì thư một mặt có ghi "*20/8/2021 Tô Trọng Đ (xe Wave) (8 triệu) (ko cắt) 0877782666 xe Wave*"; 01 chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 25/4/2018 mang tên Tạ Văn S; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 168 ngày 14/8/2018; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ có 02 trang đã viết; 01 tập hợp đồng cầm đồ có 03 trang đã viết; 05 tờ giấy nhận nợ, 05 hợp đồng thuê xe, 05 hợp đồng mua bán xe đã in mẫu trên khổ giấy A4 có chữ ký xác nhận của P và X; 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong có 04 trang viết chữ và số; 01 giấy nhận nợ đề ngày 14/10/2019 tên người vay Đường Thị T; 04 giấy nhận nợ tên người vay Tạ Văn P là vật chứng thu được tại quán cầm đồ T khi khám xét.

- Tịch thu, bán phát mại để sung công quỹ Nhà nước của Trần Văn P 01 điện thoại di động Iphone 7 màu hồng đã cũ là công cụ P sử dụng để liên lạc hằng ngày và gọi điện đòi tiền lãi của khách.

- Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính Casino; 01 hộp mực dấu, 01 lọ mực dấu, 01 bút bi mực màu xanh đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án, do không còn giá sử dụng.

- Truy thu của Trần Văn P 26.550.000đ là tiền lãi P đã thu được của những khách vay theo quy định của Bộ luật dân sự, tiền gốc P đã thu lại của chị Đường Thị T 15.000.000đ, của anh Nguyễn Duy C 1.200.000đ và 160.000đ tiền P thu lời bất chính của anh C do anh C không yêu cầu nhận lại. Tổng số tiền truy thu của P là 42.910.000đ, xác nhận Trần Văn P đã nộp 20.200.000đ tiền truy thu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, P còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền truy thu là 22.710.000đ.

Buộc ông Tạ Văn P và Đào Văn K phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc ông P và anh K đã vay của P. Cụ thể, ông P phải nộp 55.000.000đ, anh Đào Văn K phải nộp 30.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo P và X bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên các bị cáo được miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Căn cứ khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 35; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số: 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021.

Xử phạt: Trần Văn P 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 35; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số: 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021.

Xử phạt: Dương Văn X 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) nộp

vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số: 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của Trần Văn P 12.750.000đ (Mười hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Tô Trọng Đ 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tiền thừa.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy nhận nợ ghi ngày 20/8/2021 có điểm chỉ và chữ ký của Tô Trọng Đ ở mục người vay; 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày 20/8/2021 có chữ ký và điểm chỉ của Tô Trọng Đ ở mục bên bán; 01 bản phô tô căn cước công dân của Tô Trọng Đ và đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88L1 - 055.52; 01 phong bì thư một mặt có ghi "*20/8/2021 Tô Trọng Đ (xe Wave) (8 triệu) (ko cắt) 0877782666 xe Wave*"; 01 chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 25/4/2018 mang tên Tạ Văn S; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 168 ngày 14/8/2018; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ có 02 trang đã viết; 01 tập hợp đồng cầm đồ có 03 trang đã viết; 05 tờ giấy nhận nợ, 05 hợp đồng thuê xe, 05 hợp đồng mua bán xe đã in mẫu trên khổ giấy A4 có chữ ký xác nhận của P và X; 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong có 04 trang viết chữ và số; 01 giấy nhận nợ đề ngày 14/10/2019 tên người vay Đường Thị T và 04 giấy nhận nợ tên người vay Tạ Văn P.

- Tịch thu, bán phát mại để sung công quỹ Nhà nước của Trần Văn P 01 điện thoại di động Iphone 7 màu hồng đã cũ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 máy tính Casino; 01 hộp mực dấu, 01 lọ mực dấu, 01 bút bi mực màu xanh đã qua sử dụng.

- Truy thu của Trần Văn P 42.910.000đ (Bốn mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng). Xác nhận Trần Văn P đã nộp được 20.200.000đ (Hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền truy thu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, Trần Văn P còn phải tiếp tục nộp thêm 22.710.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

Buộc ông Tạ Văn P phải nộp 55.000.000đ (Năm mươi năm triệu đồng) và anh Đào Văn K phải nộp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Trần Văn P phải có nghĩa vụ trả cho ông Tạ Văn P số tiền 102.301.000đ (Một trăm linh hai triệu, ba trăm linh một nhìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Tạ Văn P có đơn đề

nghị thi hành án đối với số tiền bị cáo Trần Văn P phải thi hành án; nếu P chưa trả nợ, thì hàng tháng P còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn P và Dương Văn X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thơi hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THAHS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh